BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **HỌC VIỆN** **CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 195/QĐ-HVCSPT	*Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng và danh sách cán bộ, giảng viên tham gia công tác tổ chức thi kết thúc học phần giai đoạn 1, học kỳ II năm học 2022-2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-HVCSPT ngày 09/02/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-HVCSPT ngày 13/8/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc Ban hành Quy định đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông báo số 37/TB-HVCSPT ngày 17/03/2023 thông báo về Lịch thi kết thúc các học phần giai đoạn 1, học kỳ II, năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thi gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách Phụ lục 1 kèm theo tham gia công tác tổ chức thi kết thúc học phần giai đoạn 1, học kỳ II, năm học 2022-2023.

Hội đồng thi có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các khâu: In sao, niêm phong đề thi, Tổ chức thi, chấm phúc khảo và giải đáp các vấn đề liên quan đến công tác thi, tổ chức thanh tra, giám sát kỳ thi.

Điều 2. Phân công các Ông/Bà có tên trong danh sách Phụ lục 2, Phụ lục 3, kèm theo tham gia công tác tổ chức thi kết thúc học phần giai đoạn 1, học kỳ II, năm học 2022-2023.

Điều 3. Các Ông/Bà có tên ở Điều 1, Điều 2 được hưởng các chế độ, chính sách theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện Chính sách và Phát triển.

Điều 4. Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Người đứng đầu các đơn vị thuộc Học viện có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Ban Giám đốc Học viện;
- P. KH-TC (02 bản);
- TT CNTTTV&TT (đăng Website);
- Lưu: TC-HC, KT&ĐBCL (03 bản).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Nguyễn Thế Vinh

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THAM GIA CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI KẾT THÚC HỌC PHẦN GIAI ĐOẠN 1, HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số:195/QĐ-HVCSPT ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

1. Ông Nguyễn Thế Vinh, Phó Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển, Chủ tịch Hội đồng.

2. Ông Phạm Ngọc Trụ, Phó Giám đốc Phụ trách Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phó chủ tịch thường trực Hội đồng.

3. Bà Trần Thị Thanh Minh, Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phó Chủ tịch Hội đồng.

4. Bà Nguyễn Thị Mai, Chuyên viên chính Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Ủy viên, Thư ký Hội đồng.

5. Ông Lê Đình Đại, Nghiên cứu viên Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Ủy viên Hội đồng.

6. Bà Nguyễn Thị Hà, Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Ủy viên Hội đồng.

7. Ông Nguyễn Đức Mạnh, Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Ủy viên Hội đồng.

(Hội đồng sẽ chấm công theo số lượng ca thi thực tế được phân công)

PHỤ LỤC 2:
DANH SÁCH CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN THAM GIA CÔNG TÁC TRỰC ĐỀ THI CÁC HỌC PHẦN GIAI ĐOẠN 1, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 – 2023

(Kèm theo Quyết định số:195/QĐ-HVCSPT ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Phòng thi	Cán bộ/ GV trực đề	Khoa CN
1	01/04/2023	Ca 1 (08:00-09:40)	Chuẩn đầu ra Tiếng Anh(CĐRTA) 3	3	VIẾT_150P	150	C305	Nguyễn Việt Nga	Bộ Môn Ngoại ngữ
2	01/04/2023	Ca 3 (13:30-15:10)	Chuẩn đầu ra Tiếng Anh(CĐRTA) 3	3	VIẾT_125P	125	C401,C402	Nguyễn Việt Nga	Bộ Môn Ngoại ngữ
3	10/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Quan hệ công chúng(QTCC01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C409, C410	Phạm Hoàng Cường	Khoa Quản trị kinh doanh
4	10/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Địa lý Kinh tế(QHĐL07)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C305, C307	Phạm Ngọc Trụ	Khoa kinh tế phát triển
5	10/04/2023	Ca 2 (10:00-11:00)	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(THKT05)_2	2	Viết_60phút_3	60	C501, C502	Nguyễn Thị Thanh Nga	Triết học – Chính trị học
6	10/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Đầu tư công(KHCO09)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302, C303	Ngô Văn Giang	Khoa kinh tế phát triển
7	10/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Nguyên lý bảo hiểm(CLCBH26)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C307	Nguyễn Thùy Linh/Nguyễn Thị Bích Ngọc	Viện Đào tạo Quốc tế
8	10/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Chính sách công nâng cao(CSTN01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C305	Vũ Thị Tâm	Khoa Chính sách công
9	10/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh(QTGĐ05) 3	3	Viết_(90phút)_4	90	C401, C402	Trịnh Tùng	Khoa Kinh tế quốc tế
10	10/04/2023	Ca 3 (13:30-14:30)	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(THKT05)_2	2	Viết_60phút_3	60	C301, C302, C303, C304, C305, C307, C308, C309, C311	Nguyễn Thị Thanh Nga	Triết học – Chính trị học
11	10/04/2023	Ca 4 (15:30-16:30)	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(THKT05)_2	2	Viết_60phút_3	60	C301, C302, C303, C304, C307, C308, C309, C311, C401	Nguyễn Thị Thanh Nga	Triết học – Chính trị học
12	11/04/2023	Ca 1 (08:00-09:00)	Tiếng Anh cơ bản 3(TACB03)_3	3	Viết_60phút_3	60	C302, C301	Nguyễn Thị Hồng Mến	Bộ Môn Ngoại ngữ
13	11/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Quản trị dữ liệu lớn với Apache Spark(PTDL08)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C303, C304	Nguyễn Hữu Xuân Trường	Khoa Kinh tế số
14	11/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Kinh tế phát triển(KHKT07)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C303	Lưu Minh Đức	Viện Đào tạo Quốc tế
15	11/04/2023	Ca 2 (10:00-	Kế toán hành chính sự	3	Viết_(90phút)_4	90	C404, C405, C408,	Mai Thị Hoa	Khoa Kế toán

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Phòng thi	Cán bộ/ GV trực đề	Khoa CN
		11:30)	nghiệp(TCHC08)_3				C409		- Kiểm toán
16	11/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Quản trị hệ thống thông tin(CLCQT04)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C407	Đặng Xuân Thọ	Viện Đào tạo Quốc tế
17	11/04/2023	Ca 2 (10:00-11:00)	Hành chính công(CSHC05)_2	2	Viết_60phút_3	60	C305, C307	Vũ Thị Tâm	Khoa Chính sách công
18	11/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Thị trường chứng khoán(TCCK25)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302	Nguyễn Thạc Hoát	Khoa Tài chính - Đầu tư
19	11/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản lý công nâng cao(CSTN02)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C305	Nguyễn Thị Thu	Khoa Chính sách công
20	11/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Kinh tế vĩ mô 2(KHMA04)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C303, C304, C307, C308	Trần Thị Trúc	Khoa kinh tế phát triển
21	11/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản trị điểm đến du lịch(QTDD01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C705	Nguyễn Lan Anh	Khoa Quản trị kinh doanh
22	11/04/2023	Ca 3 (13:30-14:30)	Thực hành tiếng - Viết 2(NNTA15)_3	3	Viết_60phút_3	60	C501, C502	Đỗ Thị Thanh Hà	Bộ Môn Ngoại ngữ
23	11/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Tài chính quốc tế(TCQT12)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C309, C311	Nguyễn Trần Khánh	Khoa Tài chính - Đầu tư
24	11/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python(PTDL05)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C401	Nguyễn Hữu Xuân Trường	Khoa Kinh tế số
25	11/04/2023	Ca 4 (15:30-16:20)	Thực hành tiếng - Nghe 2(NNTA12)_3	3	VIẾT 50'	50	C303, C304	Phạm Thị Diệu Linh	Bộ Môn Ngoại ngữ
26	11/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Thuế(TCTH11)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302	Đỗ Thanh Hương	Khoa Tài chính - Đầu tư
27	12/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Kinh tế vi mô 1(KHMI01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C311, C301, C302, C303, C304, C305, C307, C308, C309	Hoàng Kim Thu	Khoa kinh tế phát triển
28	12/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Toán cao cấp 2(TOCC04)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C309, C311, C307	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Kinh tế số
29	12/04/2023	Ca 2 (10:00-11:00)	Nguyên lý thống kê kinh tế(TONL08)_3	3	Trắc nghiệm (60 P)	60	C301, C302, C303, C304, C305, C308	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Kinh tế số
30	12/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Kinh tế vĩ mô 1(KHMA02)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C303, C304, C301, C311	Hoàng Kim Thu	Viện Đào tạo Quốc tế
31	12/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản trị học(QTHO06)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C305, C307	Nguyễn Tuấn Tài	Khoa Quản trị kinh doanh
32	12/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Nghiên cứu thị trường(QTTT11)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C302, C308, C309, C401	Vũ Thị Minh Luận	Khoa Quản trị kinh doanh
33	12/04/2023	Ca 4 (15:30-16:30)	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(TCTT23)_3	3	Trắc nghiệm (60 P)	60	C301, C302, C303, C304, C308	Vũ Thị Nhài	Khoa Tài chính - Đầu tư
34	13/04/2023	Ca 1 (08:00-	Dự án đầu tư theo hình thức	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302	Nguyễn Duy Đồng	Bộ môn Đầu

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Phòng thi	Cán bộ/ GV trực đề	Khoa CN
		09:30)	đối tác công tư PPP(QLPP05)_3						thầu
35	13/04/2023	Ca 1 (08:00-09:00)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	3	Viết_60phút_3	60	C305	Đỗ Thị Thanh Hà	Bộ Môn Ngoại ngữ
36	13/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Quản trị nhân lực(QTNL03)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C701, C702, C303	Lâm Thùy Dương	Khoa Quản trị kinh doanh
37	13/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Kế toán ngân hàng(TCKT05)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C309	Ngô Tiến Dũng	Khoa Kế toán - Kiểm toán
38	13/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Hành vi người tiêu dùng(QTCB01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C311	Phùng Đình Vịnh	Khoa Quản trị kinh doanh
39	13/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo(QTKS07)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C307, C309	Lưu Hữu Văn	Khoa Quản trị kinh doanh
40	13/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Tư pháp quốc tế(LUKT14)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C701, C702, C703	Đặng Minh Phương	Khoa Luật Kinh Tế
41	13/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Kinh tế phát triển(KHKT07)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C303	Tô Trọng Hùng	Khoa kinh tế phát triển
42	13/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(KHPD13)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C501, C502	Bùi Thị Hoàng Mai	Khoa kinh tế phát triển
43	13/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Quản trị chiến lược(QTCL01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C302	Lâm Thùy Dương	Khoa Quản trị kinh doanh
44	13/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Thương mại điện tử(QTKD14)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C502, C503, C504, C501	Nguyễn Hữu Xuân Trường	Khoa Kinh tế số
45	13/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Logistics trong doanh nghiệp(QTTM06)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C401, C402, C404, C405	Bùi Quý Thuấn	Khoa Kinh tế quốc tế
46	13/04/2023	Ca 3 (13:30-14:30)	Tiếng Anh cơ bản 2(TACB02)_3	3	Viết_60phút_3	60	C308, C301, C302, C303, C304	Đỗ Thị Thanh Hà	Bộ Môn Ngoại ngữ
47	14/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Kinh tế vĩ mô 1(KHMA02)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302, C303, C304, C305, C307, C308, C309, C311	Phan Lê Nga	Khoa kinh tế phát triển
48	14/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Kế toán tài chính(TCKH04)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302, C305, C307	Nguyễn Thị Phương Thanh	Khoa Kế toán - Kiểm toán
49	14/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Luật và chính sách công(LUCS03)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C404, C405, C408	Nguyễn Như Hà	Khoa Luật Kinh Tế
50	14/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư(ĐTKT02)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C303, C304	Nguyễn Thanh Bình	Bộ Môn đầu tư
51	14/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Đầu tư quốc tế(ĐNQT15)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302	Bùi Quý Thuấn	Khoa Kinh tế quốc tế
52	14/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Kinh tế lượng(TOKT05)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C401, C402, C404, C405	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Kinh tế số

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Phòng thi	Cán bộ/ GV trực đề	Khoa CN
53	14/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản lý công(CSQL11)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C601, C602	Nguyễn Thị Thu	Khoa Chính sách công
54	14/04/2023	Ca 3 (13:30-14:30)	Nguyên lý thống kê kinh tế(TONL08)_3	3	Trắc nghiệm (60 P)	60	C701, C702, C703, C704	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Kinh tế số
55	14/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Kinh tế quốc tế(ĐNQT09)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C705	Nguyễn Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế quốc tế
56	14/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Quản trị marketing(QTMA09)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C305, C307	Đàm Thị Hiền	Khoa Quản trị kinh doanh
57	14/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(ĐNNV03)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C703, C704, C701, C702	Phạm Thị Quỳnh Liên	Khoa Kinh tế quốc tế
58	17/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Kế toán tài chính(CLCKT20)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C307, C308, C309, C311	Đoàn Anh Tuấn	Viện Đào tạo Quốc tế
59	17/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Tâm lý học quản trị kinh doanh(QTTL01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C405	Phùng Đình Vịnh	Khoa Quản trị kinh doanh
60	17/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Nguyên lý đầu tư(CLCDT19)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C501	Phạm Mỹ Hằng Phương	Viện Đào tạo Quốc tế
61	17/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Marketing quốc tế(ĐNMA05)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C505, C507	Phan Thị Thanh Huyền	Khoa Kinh tế quốc tế
62	17/04/2023	Ca 1 (08:00-09:00)	Tiếng Anh cơ bản 1(TACB01)_3	3	Viết_60phút_3	60	C407	Nguyễn Thị Hồng Mến	Bộ Môn Ngoại ngữ
63	17/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Quản trị thương hiệu(QTTH01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302	Đàm Thị Hiền	Khoa Quản trị kinh doanh
64	17/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(KHPD14)_4	4	Viết_(90phút)_4	90	C307, C309, C311	Bùi Thị Hoàng Mai	Khoa kinh tế phát triển
65	17/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Pre IELTS 1.2(NNPR1.2)_4	4	Viết_(90phút)_4	90	C303	Nguyễn Thị Hồng Mến	Bộ Môn Ngoại ngữ
66	17/04/2023	Ca 2 (10:00-11:00)	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics(QTTM08)_2	2	Viết_60phút_3	60	C401, C402	Bùi Thị Lành	Khoa Kinh tế quốc tế
67	17/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Phân tích báo cáo tài chính(TCPT08)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C501, C502, C503, C504, C505	Trần Hoàng Minh	Khoa Tài chính - Đầu tư
68	17/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Chính sách công(CSCS11)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C303, C304, C305, C307, C308	Bùi Thanh Bình	Khoa Chính sách công
69	17/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản trị tài chính cơ bản(CLCQT03)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C407	Nguyễn Thị Thùy Linh	Viện Đào tạo Quốc tế
70	17/04/2023	Ca 3 (13:30-15:10)	Tiếng Anh IELTS 1.2(NNIL1.2)_6	6	Viết 100 phút	100	C301, C302	Phạm Thị Hà	Bộ Môn Ngoại ngữ
71	17/04/2023	Ca 4 (15:30-16:30)	Tin học đại cương(TOĐC06)_3	3	Trắc nghiệm (60 P)	60	C301, C302, C303, C304, C309, C311	Nguyễn Hữu Xuân Trường	Khoa Kinh tế số
72	18/04/2023	Ca 2 (10:00-	Tiếng Anh cơ bản	3	Viết_60phút_3	60	C301, C302, C303,	Nguyễn Thị Hồng Mến	Bộ Môn Ngoại

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Phòng thi	Cán bộ/ GV trực đề	Khoa CN
		11:00)	3(TACB03)_3				C304, C307, C308, C309, C311, C401, C402, C404, C405, C408, C305		ngữ
73	18/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Đấu thầu qua mạng(QLQM08)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C307, C309	Đỗ Kiến Vọng	Bộ môn Đấu thầu
74	18/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Tài chính doanh nghiệp(TCDN03)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C605, C608, C704, C705	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	Khoa Tài chính - Đầu tư
75	18/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản trị chuỗi cung ứng(QTCU04)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C701, C702, C703	Phan Thị Thanh Huyền	Khoa Kinh tế quốc tế
76	18/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Kinh tế vi mô 2(KHMI03)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C307, C309	Tô Trọng Hùng	Khoa kinh tế phát triển
77	19/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu(PTDL04)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302, C303	Nguyễn Hữu Xuân Trường	Khoa Kinh tế số
78	19/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Ngân hàng thương mại(NHTM02)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C409, C410	Nguyễn Thạc Hoát	Khoa Tài chính - Đầu tư
79	19/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(TOLT07)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C407, C302, C303, C304, C305, C307, C308, C309, C311, C401, C402, C404, C405, C408, C409, C410, C501, C301	Lê Xuân Đoàn	Khoa Kinh tế số
80	19/04/2023	Ca 3 (13:30-14:30)	Tư tưởng Hồ Chí Minh(THTT02)_2	2	Viết_60phút_3	60	C302, C303, C304, C307, C308, C309, C311, C401, C402, C404, C405, C408, C409, C410, C501, C502, C503	Vũ Thị Minh Tâm	Triết học – Chính trị học
81	19/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Quản lý tài chính công(TCCO21)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C304, C305, C303	Đào Bích Hạnh	Khoa Tài chính - Đầu tư
82	19/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Quản trị rủi ro(ĐTRR06)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302	Lê Thị Nhung	Bộ Môn đầu tư
83	20/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Kinh tế đầu tư(KHĐT05)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C302, C303, C304	Trần Thị Ninh	Bộ Môn đầu tư
84	20/04/2023	Ca 1 (08:00-09:00)	Tiếng Anh cơ bản 4(TACB04)_3	3	Viết_60phút_3	60	C301, C308	Đỗ Thị Thanh Hà	Bộ Môn Ngoại ngữ
85	20/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Thẩm định dự án đầu tư(TCTĐ17)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C305, C307	Lê Thị Nhung	Bộ Môn đầu tư
86	20/04/2023	Ca 2 (10:00-11:30)	Đấu thầu mua sắm 1(QLMS03)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C304, C402, C404	Nguyễn Trần Phương	Bộ môn Đấu thầu

TT	Ngày thi	Ca thi (Giờ thi)	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	TGLB (phút)	Phòng thi	Cán bộ/ GV trực đề	Khoa CN
87	20/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Quản trị chiến lược(CLCCL06)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C309, C311	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Viện Đào tạo Quốc tế
88	20/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Kế toán quốc tế(TCKT30)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C501, C502, C503, C504	Nguyễn Thị Phương Thanh	Khoa Kế toán - Kiểm toán
89	20/04/2023	Ca 3 (13:30-14:30)	Thực hành tiếng - Đọc 2(NNTA14)_3	3	Viết_60phút_3	60	C303, C304	Cao Thu Hằng	Bộ Môn Ngoại ngữ
90	20/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Nguyên lý kế toán(TCKT01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302, C303, C304, C407	Ngô Tiến Dũng	Khoa Kế toán - Kiểm toán
91	21/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Địa lý Kinh tế(QHĐL07)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302, C303	Phạm Ngọc Trụ	Viện Đào tạo Quốc tế
92	21/04/2023	Ca 1 (08:00-09:30)	Quản lý dự án đầu tư(ĐTQL03)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C501, C502, C503, C504	Nguyễn Trần Phương	Bộ Môn đầu tư
93	21/04/2023	Ca 2 (10:00-11:00)	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(THLĐ07)_2	2	Viết_60phút_3	60	C301, C302, C303, C304, C305, C307, C308, C309, C311, C401, C402, C404, C405, C408, C407	Vũ Thị Minh Tâm	Triết học – Chính trị học
94	21/04/2023	Ca 3 (13:30-15:00)	Pháp luật kinh tế(LUKT02)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C305, C307, C308, C309, C401, C402, C404, C405, C408, C409, C410, C311, C501	Nguyễn Thị Hương Giang	Khoa Luật Kinh Tế
95	21/04/2023	Ca 4 (15:30-17:00)	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(TODL01)_3	3	Viết_(90phút)_4	90	C301, C302, C303, C304	Đàm Thanh Tú	Khoa Kinh tế số

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN THAM GIA
TỔ CHỨC THI CÁC HỌC PHẦN GIAI ĐOẠN 1, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Quyết định số:195/QĐ-HVCSPT ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Đỗ Kiến Vọng	Khoa KT	**3**			Ca 4			Ca3									Ca3		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH, các HP vấn đáp
Nguyễn Duy Đồng	Khoa KT	**2**			Ca4												Ca3		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH, các HP vấn đáp
Nguyễn Trần Phương	Khoa KT	**1**															Ca3		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Nguyễn Hoàng Diệu Linh	Khoa KT	**3**						Ca3 Ca4									Ca3		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH, các HP vấn đáp
Ngô Phúc Hạnh	Khoa CSC	**1**															Ca2		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Vũ Thị Tâm	Khoa CSC	**1**															Ca2		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Trần Thị Huyền Trang	Khoa CSC	**1**															Ca2		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Nguyễn Nam Hải	Khoa CSC	**1**															Ca2		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Nguyễn Thị Thu	Khoa CSC	**1**															Ca2		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Bùi Thanh Bình	Khoa CSC	**1**															Ca2		Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Nguyễn Như Hà	Khoa LKT	**3**			Ca 1					Ca1					Ca 3				Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Lưu Thị Tuyết	Khoa LKT	**3**			Ca 1					Ca1					Ca 3				Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Đặng Minh Phương	Khoa LKT	**3**			Ca 1					Ca1					Ca 3				Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Nguyễn Tiến Đạt	Khoa LKT	**3**			Ca 1					Ca1					Ca 3				Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Hoàng Việt Hà	Khoa LKT	**3**			Ca 1					Ca1					Ca 3				Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Mai Phi Hoàng	Khoa LKT	**3**			Ca 1					Ca1					Ca 3				Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Lương Mỹ Linh	Khoa LKT	**3**			Ca 1					Ca1					Ca 3				Giảng viên hỏi thi môn PPNCKH
Nguyễn Thị Phương Thanh	Khoa KTKT	**1**				Ca1													Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Ngô Tiến Dũng	Khoa KTKT	**1**				Ca1													Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Hoàng Thanh Hạnh	Khoa KTKT	**1**														Ca 4			Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Nguyễn Thị Dung	Khoa KTKT	**1**														Ca 4			Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Tô Trọng Hùng	Khoa KTPT	**1**			Ca2														Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Hoàng Kim Thu	Khoa KTPT	**1**			Ca2														Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Bùi Thị Hoàng Mai	Khoa KTPT	**1**															Ca2		Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Đỗ Thị Hà Anh	Khoa KTPT	**1**															Ca2		Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Lâm Thùy Dương	Khoa QTKD	**3**				Ca1 Ca2 Ca3													Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Đàm Thị Hiền	Khoa QTKD	**3**				Ca1 Ca2 Ca3													Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Phạm Hoàng Cường	Khoa QTKD	**3**								Ca1 Ca2 Ca3									Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Nguyễn Thị Phương Anh	Khoa QTKD	**3**								Ca1 Ca2 Ca3									Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Nguyễn Thanh Bình	Khoa KT	**2**						Ca1 Ca2											Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Trần Thị Ninh	Khoa KT	**2**						Ca1 Ca2											Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Lê Thị Nhung	Khoa KT	**2**			Ca3 Ca4														Giảng viên hỏi thi các

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
																			HP vấn đáp
Trần Thị Trúc	Khoa KT	**2**			Ca3 Ca4														Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Vũ Thị Nhài	Khoa TCĐT	**1**															Ca 1		Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Đào Thị Bích Hạnh	Khoa TCĐT	**1**															Ca 1		Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Trần Hoàng Minh	Khoa TCĐT	**1**						Ca4											Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Nguyễn Mã Lương	Khoa CB	**1**		Ca2															Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Ngô Hữu Mạnh	Khoa CB	**19**		Ca2 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Đặng Thị Phấn	Khoa CB	**19**		Ca2 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Lê Văn Tuấn	Khoa CB	**18**		Ca2 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca4	Giảng viên hỏi thi các HP vấn đáp
Phạm Thị Quỳnh Liên	Khoa KTQT	**8**					Ca1 Ca2 Ca3		Ca1 Ca2 Ca3					Ca2 Ca3					CB coi thi
Phan Thị Thanh Huyền	Khoa KTQT	**9**					Ca1 Ca2 Ca3					Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca4						CB coi thi

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Phạm Huyền Trang	Khoa KTQT	**9**							Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					Ca2 Ca3		Ca1 Ca2 Ca3			CB coi thi
Nguyễn Thị Thùy Linh	Khoa KTQT	**10**					Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3			Ca1 Ca2 Ca4							CB coi thi
Nguyễn Việt Hưng	Khoa KTQT	**10**			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4							Ca2 Ca3					CB coi thi
Đoàn Anh Tuấn	Viện ĐTQT	**8**										Ca2 Ca3 Ca4		Ca2 Ca3		Ca1 Ca2 Ca3			CB coi thi
Nguyễn Trần Khánh	Viện ĐTQT	**9**				Ca1 Ca2 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3				Ca1 Ca2 Ca3							CB coi thi
Lưu Minh Đức	Viện ĐTQT	**9**				Ca1 Ca3 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					Ca2 Ca3					CB coi thi
Nguyễn Thị Bích Ngọc	Viện ĐTQT	**9**			Ca1 Ca3 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3							Ca1 Ca2 Ca4				CB coi thi
Nguyễn Thị Phương Thanh	Khoa KTKT	**9**				Ca2 Ca3 Ca4			Ca1 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca4				CB coi thi
Ngô Tiến Dũng	Khoa KTKT	**10**				Ca2 Ca3 Ca4		Ca2 Ca3						Ca2 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3				CB coi thi

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Nguyễn Thị Dung	Khoa KTKT	**8**						Ca1 Ca2 Ca3						Ca2 Ca3		Ca1 Ca2 Ca3			CB coi thi
Nguyễn Thành Đô	Khoa KTPT	**9**			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3							Ca2 Ca3					CB coi thi
Phan Lê Nga	Khoa KTPT	**8**			Ca2 Ca3 Ca4				Ca2 Ca3 Ca4					Ca2 Ca3					CB coi thi
Tô Trọng Hùng	Khoa KTPT	**10**			Ca1 Ca3 Ca4			Ca1 Ca3					Ca1 Ca2 Ca3	Ca2 Ca3					CB coi thi
Hoàng Kim Thu	Khoa KTPT	**9**			Ca1 Ca3 Ca4		Ca2 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4										CB coi thi
Đỗ Thị Hà Anh	Khoa KTPT	**10**					Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					Ca2 Ca3					CB coi thi
Lâm Thùy Dương	Khoa QTKD	**10**						Ca1 Ca3				Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					CB coi thi
Đàm Thị Hiền	Khoa QTKD	**10**							Ca1 Ca2 Ca3			Ca1 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					CB coi thi
Phạm Hoàng Cường	Khoa QTKD	**10**			Ca2 Ca3 Ca4				Ca1 Ca2 Ca3 Ca4							Ca1 Ca2 Ca3			CB coi thi

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Nguyễn Tuấn Tài	Khoa QTKD	**10**					Ca1 Ca2 Ca4		-			Ca1 Ca2 Ca3		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					CB coi thi
Lê Thị Thanh Huyền	Khoa QTKD	**8**					Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4										CB coi thi
Nguyễn Văn Quân	Khoa QTKD	**8**			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4							Ca1 Ca2 Ca3 Ca4							CB coi thi
Lưu Hữu Văn	Khoa QTKD	**9**					Ca1 Ca2 Ca4	Ca1 Ca3								Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			CB coi thi
Nguyễn Lan Anh	Khoa QTKD	**8**				Ca1 Ca2 Ca4						Ca1 Ca2 Ca3				Ca2 Ca3			CB coi thi
Trần Thị Ninh	Khoa KT	**11**					Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca2 Ca3 Ca4				CB coi thi
Trần Thị Trúc	Khoa KT	**8**							Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					CB coi thi
Lê Hồng Minh	Khoa KT	**12**										Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			CB coi thi

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Nguyễn Trần Phương	Khoa KT	**9**										Ca1 Ca2 Ca3			Ca1 Ca3 Ca4	Ca2 Ca3 Ca4			CB coi thi
Nguyễn Thị Thu	Khoa CSC	**6**				Ca1 Ca2 Ca4			Ca1 Ca2 Ca4										CB coi thi
Vũ Thị Tâm	Khoa CSC	**10**			Ca1 Ca3 Ca4	Ca1 Ca3 Ca4								Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					CB coi thi
Trần Thị Huyền Trang	Khoa CSC	**11**					Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4							Ca1 Ca2 Ca3			CB coi thi
Đỗ Thanh Hương	Khoa TCĐT	**11**				Ca1 Ca2 Ca3							Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			CB coi thi
Trần Hoàng Minh	Khoa TCĐT	**10**						Ca1 Ca2 Ca3				Ca1 Ca2 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					CB coi thi
Nguyễn Hoàng Diệu Linh	Khoa TCĐT	**9**						Ca1 Ca2					Ca1 Ca2 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			CB coi thi
Nguyễn Duy Tùng	Khoa TCĐT	**9**			Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3									Ca1 Ca2 Ca3			CB coi thi
Trần Thị Hương Trà	Khoa KTS	**9**			Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3		Ca1 Ca2 Ca3										CB coi thi

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Trần Thị Minh Hồng	Khoa KTS	**10**				Ca1 Ca2 Ca3		Ca1 Ca2 Ca3						Ca2 Ca3		Ca2 Ca3			CB coi thi
Lê Xuân Đoàn	Khoa KTS	**10**							Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					Ca1 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3			CB coi thi
Đặng Minh Phương	Khoa LKT	**8**			Ca2 Ca3 Ca4			Ca1 Ca3							Ca1 Ca2 Ca4				CB coi thi
Nguyễn Tiến Đạt	Khoa LKT	**9**			Ca2 Ca3 Ca4							Ca1 Ca2 Ca3			Ca1 Ca2 Ca4				CB coi thi
Hoàng Việt Hà	Khoa LKT	**10**			Ca2 Ca3 Ca4				Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca4				CB coi thi
Mai Phi Hoàng	Khoa LKT	**9**			Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3		-						Ca1 Ca2 Ca4				CB coi thi
Lương Mỹ Linh	Khoa LKT	**9**			Ca2 Ca3 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3							Ca1 Ca2 Ca4				CB coi thi
Vũ Thị Thái Hà	Khoa CB	**9**			Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3									Ca1 Ca2 Ca3			CB coi thi
Vũ Thị Minh Tâm	Khoa CB	**9**						Ca1 Ca2 Ca3						Ca1 Ca2 Ca4		Ca1 Ca3 Ca4			CB coi thi
Đỗ Thị Hoa	Khoa CB	**5**						Ca4	-				Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						CB coi thi

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Phạm Thị Diệu Linh	Khoa CB	**5**						Ca4					Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						CB coi thi
Đỗ Thị Thanh Hà	Khoa CB	**12**	Ca1 Ca2			Ca2		Ca2 Ca4					Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca2 Ca3 Ca4				CB coi thi
Cao Thu Hằng	Khoa CB	**11**	Ca1 Ca2					Ca2 Ca3 Ca4					Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca2 Ca4				CB coi thi
Nguyễn Thị Hồng Mến	Khoa CB	**15**	Ca3 Ca4			Ca2 Ca3		Ca2 Ca3 Ca4				Ca3 Ca4	Ca1 Ca3 Ca4		Ca2 Ca3 Ca4				CB coi thi
Phạm Thị Hà	Khoa CB	**15**	Ca3 Ca4					Ca2 Ca3 Ca4				Ca1 Ca2 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca2 Ca3 Ca4				CB coi thi
Nguyễn Thị Thùy Dương	Khoa CB	**13**	Ca3 Ca4					Ca2 Ca3 Ca4				Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						CB coi thi
Tống Hưng Tâm	Khoa CB	**13**	Ca3 Ca4					Ca2 Ca3 Ca4				Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						CB coi thi
Bùi Thị Xuyến	P. CT&CTSV	**13**			Ca2	Ca3 Ca4		Ca3	Ca3			Ca3	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca3	Ca2 Ca3			CB coi thi
Lưu Thị Diệu	TT CNTT,TT&TV	**14**			Ca2	Ca3 Ca4		Ca2 Ca3	Ca3			Ca3	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca3	Ca2 Ca3			CB coi thi

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Phan Anh Dương	TT CNTT,TT &TV	**13**			Ca2	Ca3			Ca3			Ca3	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3 Ca4	Ca2 Ca3			CB coi thi
Nguyễn Xuân Mạnh	Phòng QLĐT	**10**			Ca2	Ca2 Ca3		Ca3				Ca3	Ca2 Ca3		Ca3	Ca2 Ca3			CB coi thi
Trần Thị Diễm My	Phòng QLĐT	**9**				Ca2 Ca3		Ca2 Ca3	Ca3				Ca2 Ca3	Ca2 Ca3					CB coi thi
Lục Vân Anh	Phòng QLĐT	**8**					Ca3		Ca3			Ca3		Ca2 Ca3	Ca3	Ca2 Ca3			CB coi thi
Nguyễn Thị Phương Quỳnh	Phòng QLĐT	**18**				Ca2 Ca3	Ca3	Ca2 Ca3 Ca4	Ca3			Ca3 Ca4	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3 Ca4	Ca2 Ca3			CB coi thi
Lâm Thùy Dung	P KHHT	**13**				Ca2 Ca3	Ca3	Ca 4				Ca1 Ca2	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca3	Ca2 Ca3			CB coi thi
Lê Phương Thảo	P KHHT	**7**				Ca2 Ca3							Ca2	Ca2 Ca3		Ca2 Ca3			CB coi thi
Tường Thị Lan Anh	Khoa Kinh tế	**13**				Ca3	Ca3	Ca2 Ca3 Ca4				Ca3	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca3	Ca2 Ca3			CB coi thi
NguyễnThị Mai	Phòng KHTC	**12**				Ca2 Ca3		Ca2 Ca3				Ca3	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca3	Ca2 Ca3			CB coi thi
Bùi Quang Nghĩa	TT HTĐT	**15**				Ca2 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3				Ca1 Ca3	Ca2	Ca2 Ca3		Ca2 Ca3			CB coi thi
Tạ Đức Anh	TT CNTT,TT &TV	**25**				Ca2 Ca3	Ca1 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca2 Ca3			CB coi thi, hỗ trợ sao in đĩa thi tiếng Anh
Nguyễn Đức Hiếu	Khoa KTPT	**26**			Ca1 Ca2 Ca4	Ca3 Ca4	Ca1 Ca2	Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3			Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca2 Ca3 Ca4			CB dự phòng coi thi, hỗ trợ công tác tổ

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
																			chức thi
Lê Vũ Trường	Phòng QLĐT	**26**			Ca1 Ca2	Ca2 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3	Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2			Ca2 Ca3 Ca4	Ca2 Ca3 Ca4	Ca2 Ca3	Ca1 Ca2	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			CB dự phòng coi thi, hỗ trợ công tác tổ chức thi
Nguyễn Thị Huệ	Phòng TCHC	**23**			Ca3 Ca4	Ca1 Ca2	Ca3 Ca4	Ca1 Ca2	Ca3 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3	Ca2 Ca3	Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3			CB dự phòng coi thi, hỗ trợ công tác tổ chức thi
Phạm Xuân Tùng	TT HTĐT	**24**			Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3		Ca1 Ca2 Ca3	Ca3 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3	Ca2 Ca3 Ca4	Ca2 Ca3 Ca4	Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3			CB dự phòng coi thi, hỗ trợ công tác tổ chức thi
Nguyễn Thị Hà	TT KT&ĐBCL	**16**	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4				Ca1 Ca2 Ca3 Ca4						Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4				CB trực công tác in sao đề thi, coi thi, dự phòng coi thi
Nguyễn Thị Mai	TT KT&ĐBCL	**16**	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4							Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			CB trực tổ chức thi, coi thi, dự phòng coi thi
Nguyễn Đức Mạnh	TT KT&ĐBCL	**16**			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4			Ca1 Ca2 Ca3 Ca4				Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4					CB trực tổ chức thi, coi thi, dự phòng coi thi

Họ và tên	Đơn vị	Tổng ca	Tháng 4																Ghi chú
			Ngày 1	Ngày 9	Ngày 10	Ngày 11	Ngày 12	Ngày 13	Ngày 14	Ngày 15	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	
Ngô Thị Thanh Hoa	Phòng TCHC	**33**		Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca2	Ca2 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	CB dự phòng coi thi, trực y tế, hỗ trợ công tác tổ chức thi, gọi sv môn GDTC
Đặng Thị Kim Thoan	Phòng TCHC	**34**	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca3	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca1 Ca2 Ca3 Ca4	Ca1 Ca2 Ca3 Ca4		Ca2 Ca3	Ca1 Ca2 Ca3		CB dự phòng coi thi, trực y tế, hỗ trợ công tác tổ chức thi, gọi sv môn GDTC

<u>Ghi chú:</u> - Công tác tổ chức thi (coi thi, trực đề) thực hiện trực tiếp tại các giảng đường của Học viện;
- Cán bộ coi thi, hỏi thi, trực đề có mặt tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trước ca thi 15 phút (đối với ca thi có dưới 10 phòng thi) và trước 25 phút (đối với ca thi có từ 10 phòng thi trở lên).

- Ca1, Ca2, Ca3, Ca4: thể hiện các ca thi trong ngày;

- Thời gian thi: xem chi tiết tại Thông báo số 37/TB-HVCSPT ngày 17/3/2023 (trên Website Học viện).